

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2018

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mạc Minh Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**

2. Bà **Dương Thị Kim Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Đức T**, sinh ngày 04/10/1957.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: Cộng hòa liên bang Đức.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thúy H** (tên gọi khác là **Nguyễn Thị Thúy H**), sinh ngày 20/6/1973.

Địa chỉ cư trú: Số 42 phố D, khu 16 phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn là anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn từ năm 2003 nhưng anh sinh sống và làm việc ở Đức còn chị H vẫn ở Việt Nam. Đến nay anh xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về quan hệ con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 07/02/2003 tại Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh T trở lại Đức làm kinh tế còn chị vẫn ở Việt Nam. Do xa cách địa lý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T cũng không về Việt Nam thăm chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh T đề nghị ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H và anh T vắng mặt, đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H. Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Anh Phạm Đức T là người Việt Nam đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thúy H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Đơn xin ly hôn và các văn bản do anh T gửi về đều được Lãnh sự quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức chứng thực nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T và chị H vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký ngày 07/02/2003 tại UBND tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh T trở lại Đức sinh sống còn chị H vẫn ở lại Việt Nam. Do xa cách địa lý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không về Việt Nam thăm chị H. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh T đề nghị ly hôn và chị H cũng đồng ý.

Xét thấy hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không có khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh T và chị H cùng xác định không có con chung và tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thúy H (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thúy H).

2. Về án phí: Anh Phạm Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do người đại diện theo ủy quyền của anh T là anh Phạm Văn An đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2017/0004306 ngày 12/9/2018. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Mạc Minh Quang